

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học
bậc đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên Giang

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐT ngày 11 tháng 6 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Kiên Giang;

Căn cứ Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Quyết định số 519/QĐ-ĐHKG ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang về việc ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học bậc đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên Giang;

Theo đề nghị của Lãnh đạo phòng Phòng Công tác Sinh viên và Kết nối Cộng đồng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học bậc đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên Giang ban hành theo Quyết định số 519/QĐ-ĐHKG ngày 31 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang, cụ thể:

1. Bổ sung Điều 13, như sau:

“Điều 13. Điểm cộng

1. Người học được cộng thêm điểm rèn luyện ngoài các nội dung được quy định từ Điều 8 đến Điều 12, nếu thuộc các trường hợp sau:

a) Đạt giải khuyến khích trở lên trong các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao từ cấp Trường trở lên (có minh chứng).

b) Đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp Trường trở lên (có minh chứng bằng Quyết định).

c) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc

2. Số điểm cộng được Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Trường quyết định và tối đa không quá 30 điểm.”

2. Sửa đổi khoản 1 Điều 14, như sau:

“1. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 6 nội dung đánh giá chi tiết từ điều 8 đến điều 13, được quy theo thang điểm 100 và xếp loại như sau:”

3. Sửa đổi Phụ lục II - Bảng đánh giá rèn luyện của sinh viên thuộc Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học bậc đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên

Giang (kèm theo quyết định).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, CTSV&KNCD.



Nguyễn Tuấn Khanh

QUY CHẾ

Đánh giá kết quả rèn luyện của người học bậc đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-ĐHKG ngày 09 tháng 5 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định việc đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy Trường Đại học Kiên Giang bao gồm: nội dung đánh giá, căn cứ đánh giá, thang điểm, khung điểm, phân loại kết quả và quy trình đánh giá kết quả rèn luyện; tổ chức đánh giá và sử dụng kết quả đánh giá.

2. Quy chế này áp dụng đối với người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy tại Trường Đại học Kiên Giang và các đơn vị, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mục đích

Đánh giá kết quả rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống của người học nhằm:

1. Bảo đảm kết quả đào tạo người học của Trường thành người công dân Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khỏe, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bồi dưỡng phẩm chất, năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Nâng cao ý thức trách nhiệm và định hướng cho người học trong học tập, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

3. Nâng cao chất lượng trong công tác quản lý người học.

Điều 3. Nguyên tắc

1. Trung thực, khách quan, chính xác, công bằng, công khai và dân chủ.

2. Đảm bảo yếu tố bình đẳng, dân chủ, tôn trọng quyền làm chủ của người học.

3. Phối hợp đồng bộ, chặt chẽ các bộ phận, các đơn vị có liên quan trong Nhà trường tham gia công tác đánh giá kết quả rèn luyện.

Điều 4. Nội dung đánh giá

1. Ý thức tham gia học tập (đánh giá về tinh thần, thái độ học tập, kết quả học tập).

2. Ý thức việc chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường.

3. Ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng.

ph

uw



5. Ý thức và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể của Đảng, Đoàn, Hội, các tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường hoặc có thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học.

Điều 5. Thời gian đánh giá rèn luyện

Căn cứ vào Kế hoạch đào tạo từng học kỳ, sau khi kết thúc thời gian nhập điểm 01 ngày, Nhà trường bắt đầu tiến hành đánh giá rèn luyện người học theo quy trình.

Điều 6. Điểm rèn luyện và xếp loại rèn luyện

1. Sau mỗi học kỳ, mỗi người học đều được đánh giá, phân loại theo 5 nội dung đã nêu tại Điều 4. Kết quả của việc đánh giá, phân loại được thể hiện bằng điểm cụ thể gọi là điểm rèn luyện và bằng sự xếp loại tương ứng gọi là xếp loại rèn luyện.

2. Điểm rèn luyện được đánh giá bằng thang điểm 100.

Điều 7. Những trường hợp không phải đánh giá rèn luyện

1. Người học đã đánh giá rèn luyện đủ một niên khóa.
2. Người học bị tai nạn, bệnh và thuộc các trường hợp bất khả kháng không thể đánh giá rèn luyện hoặc đi học (có xác nhận của Lãnh đạo khoa).
3. Người học đã tích lũy đủ tín chỉ theo chương trình đào tạo.
4. Người học bảo lưu.

Chương II

NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ RÈN LUYỆN VÀ KHUNG ĐIỂM

Điều 8. Tiêu chí 1: Đánh giá về ý thức tham gia học tập

1. Căn cứ để đánh giá về ý thức học tập: ý thức và thái độ học tập; ý thức và thái độ tham gia các hoạt động ngoại khóa; hoạt động nghiên cứu khoa học; ý thức và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi; tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập; kết quả học tập.

a) Những biểu hiện tích cực:

- Tinh thần vượt khó, chăm chỉ, ham học, cầu tiến.
- Có ý thức và có thành tích nghiên cứu khoa học, cải tiến phương pháp học tập.
- Biết tự học và có tinh thần trợ giúp bạn trong học tập.
- Ý thức tích cực tham gia và đạt kết quả khi dự thi các hoạt động học thuật các cấp.
- Tham gia sinh hoạt thường xuyên tại các câu lạc bộ học thuật các cấp.
- Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập do giảng viên bộ môn giao.

b) Những biểu hiện tiêu cực:

- Thiếu cố gắng, lười biếng trong học tập.
- Có biểu hiện thiếu trung thực trong học tập, trong thi cử.
- Đi học muộn, về sớm giờ học theo quy định.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 9. Tiêu chí 2: Đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường

1. Căn cứ để đánh giá về ý thức chấp hành nội quy, quy chế, quy định trong Nhà

trường: Quy chế đào tạo trình độ đại học, ban hành kèm theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang.

a) Những biểu hiện tích cực:

- Chấp hành tốt nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường.
- Tuyên truyền và tham gia các hoạt động nâng cao ý thức của người học trong việc chấp hành nội quy, các quy chế của Nhà trường, các hoạt động giữ gìn môi trường, bảo vệ tài sản, thực hành tiết kiệm nơi học tập, sinh hoạt và nơi cư trú.
- Tham gia bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội nơi ở, học tập.
- Tham gia thực hiện tốt việc khảo sát ý kiến người học về hoạt động giảng dạy và học tập của người học tại Nhà trường.

b) Những biểu hiện tiêu cực:

- Thiếu ý thức trong việc chấp hành nội quy, quy chế trong Nhà trường.
- Không tham gia (hoặc bài thu hoạch không đạt) các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa, cuối năm.
- Vi phạm tại địa phương nơi ở, sinh hoạt hoặc bị xử lý kỷ luật.
- Vi phạm nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường bị xử lý kỷ luật theo quyết định của Hiệu trưởng Nhà trường

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 10. Tiêu chí 3: Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội

1. Căn cứ để đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: ý thức và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao; ý thức tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội; tham gia tuyên truyền phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

a) Những biểu hiện tích cực:

- Sôi nổi, nhiệt tình hưởng ứng, tham gia các hoạt động nêu trên.
- Góp phần tổ chức, lãnh đạo người học thực hiện các hoạt động nêu trên.
- Có những thành tích xuất sắc thuộc một trong các hoạt động nêu trên.
- Thành viên đội tuyển cấp Trường, Khoa các hoạt động nêu trên.
- Tham gia các chương trình tiếp sức mùa thi, chiến dịch tình nguyện mùa hè xanh, tình nguyện vì cộng đồng....

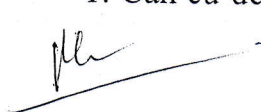
b) Những biểu hiện tiêu cực:


- Có tham gia nhưng không nhiệt và thiếu tích cực.
- Thụ động, không tham gia hoặc có những lời nói, hành động cản trở cá nhân hoặc tập thể tham gia các hoạt động trên.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 20 điểm.

Điều 11. Tiêu chí 4: Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng

1. Căn cứ để đánh giá ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng: ý thức chấp





IC
RƯỞ
ĐẠI H
IÊN G

hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng; ý thức tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng; có tinh thần chia sẻ giúp đỡ người thân người có khó khăn, hoạn nạn.

a) Những biểu hiện tích cực:

- Thực hiện tốt nghĩa vụ công dân tại nơi cư trú
- Tham gia hiến máu nhân đạo, tham gia hoặc là thành viên ban tổ chức, ban điều hành các đội hình người học tình nguyện.
- Được tuyên dương hoặc có tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương hoặc các tổ chức xã hội hợp pháp (có giấy chứng nhận).
- Là thành viên hoặc tham gia các hoạt động xã hội do Khoa, Trường tổ chức.

b) Những biểu hiện tiêu cực:

- Không thực hiện nghĩa vụ công dân, có hành vi vi phạm pháp luật.
- Vi phạm quy chế, quy định, có biểu hiện gây mất đoàn kết đối với cộng đồng tại địa phương nơi cư trú.
- Có biểu hiện gây mất đoàn kết đối với lớp, tập thể trong Nhà trường.

2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 25 điểm.

Điều 12. Tiêu chí 5: Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học.

1. Căn cứ để đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hợp pháp khác trong nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học: có ý thức, tinh thần, thái độ, uy tín và hiệu quả công việc của người học được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội người học và các tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường; kỹ năng tổ chức, quản lý lớp, quản lý các tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Hội người học và các tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường; người học hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, Khoa, Trường; Người học đạt được các thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

a) Những biểu hiện tích cực:

- Có ý thức tích cực phấn đấu để trở thành hội viên, đoàn viên, đảng viên.
- Tích cực tham gia các công tác Đảng, Đoàn, Hội người học và các tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường.
- Cán bộ từ cấp tổ (nếu có), lớp, Chi đoàn, Chi hội và cấp Khoa trở lên hoạt động tích cực.
- Đảng viên, đoàn viên, hội viên ưu tú.
- Đạt thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện.

b) Những biểu hiện tiêu cực:

- Đảng viên, đoàn viên, hội viên, người học của lớp nhưng chỉ sinh hoạt cầm chừng, thiếu tích cực.

- Những người học vắng mặt nhiều trong các buổi sinh hoạt tổ (nếu có), lớp, sinh hoạt Đoàn, Hội.
 - Những người học bao gồm cả đảng viên, đoàn viên bị kỷ luật từ khiển trách trở lên.
2. Khung điểm đánh giá từ 0 đến 10 điểm.

Điều 13. Điểm cộng

1. Người học được cộng thêm điểm rèn luyện ngoài các nội dung được quy định từ Điều 8 đến Điều 12, nếu thuộc các trường hợp sau:

- a) Đạt giải khuyến khích trở lên trong các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao từ cấp Trường trở lên (có minh chứng).
- b) Đạt danh hiệu “Sinh viên 5 tốt” cấp Trường trở lên (có minh chứng bằng Quyết định).
- c) Có thành tích tiêu biểu xuất sắc

2. Số điểm cộng được Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Trường quyết định và tối đa không quá 30 điểm.

Điều 14. Cách tính điểm và xếp loại

1. Điểm rèn luyện của học kỳ là tổng điểm đạt được của 6 nội dung đánh giá chi tiết từ điều 8 đến điều 13, được quy theo thang điểm 100 và xếp loại như sau:

STT	Tổng điểm 5 tiêu chí	Xếp loại kết quả rèn luyện
1	90 - 100	Xuất sắc
2	80 - 89	Tốt
3	65 - 79	Khá
4	50 - 64	Trung bình
5	35 - 49	Yếu
6	00 - 34	Kém

2. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các học kỳ của năm học đó.

3. Người học nghỉ học tạm thời, khi Nhà trường xem xét cho học tiếp thì thời gian nghỉ học không tính điểm rèn luyện.

4. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình chung của điểm rèn luyện các năm học của khóa học.

Điều 15. Phân loại để đánh giá

1. Trong thời gian học người học bị kỷ luật mức khiển trách, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại khá.

2. Trong thời gian người học bị kỷ luật mức cảnh cáo, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

3. Người học bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ.

4. Người học bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện.

5. Người học hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung

VÀ
NG
IQC
IANG

chương trình học và tốt nghiệp, tùy theo vào nguyện vọng để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung.

6. Người học khuyết tật, tàn tật, mồ côi cả cha lẫn mẹ hoặc cha hoặc mẹ, hoàn cảnh gia đình đặc biệt khó khăn có xác nhận của địa phương theo quy định đối với những hoạt động rèn luyện không có khả năng tham gia hoặc đáp ứng yêu cầu chung thì được ưu tiên, động viên, khuyến khích, cộng điểm khi đánh giá kết quả rèn luyện qua sự nỗ lực và tiến bộ của người học tùy thuộc vào đối tượng và hoàn cảnh cụ thể.

7. Người học nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập theo quy định.

8. Người học đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện theo chương trình đào tạo thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì nhà trường sẽ tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện của người học.

9. Người học chuyển trường được chuyển kết quả rèn luyện từ trường cũ và tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện ở các học kỳ tiếp theo.

10. Người học đang học theo chương trình đào tạo của Trường nhưng không tiến hành đánh giá, Cố vấn học tập và tập thể lớp có trách nhiệm sẽ tiến hành đánh giá, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại trung bình.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG ĐIỂM RÈN LUYỆN

Điều 16. Sử dụng điểm rèn luyện

1. Đối với từng học kỳ:

Kết quả đánh giá rèn luyện cuối mỗi học kỳ của từng người học là một trong những cơ sở để xét học bổng, khen thưởng, kỷ luật ở từng học kỳ, đồng thời được ghi vào bảng điểm kết quả học tập.

2. Đối với từng năm học:

Kết quả đánh giá rèn luyện trong năm học của từng người học là kết quả đánh giá rèn luyện của các học kỳ chính năm học đó. Đây là một trong những cơ sở để xét lên lớp, ở lại lớp, đình chỉ học tập có thời hạn hoặc buộc thôi học, xét thi đua, khen thưởng.

3. Đối với toàn khoá học:

Kết quả đánh giá rèn luyện toàn khoá học của từng người học là điểm bình quân kết quả đánh giá rèn luyện của tất cả các học kỳ trong khoá học đó. Đây là một trong những cơ sở để xét tốt nghiệp, xét thi đua khen thưởng trong toàn khoá học, được Nhà trường lưu trong hồ sơ quản lý người học của Trường và được ghi vào bảng điểm kết quả học tập và rèn luyện của từng người học khi giới thiệu ra Trường.

4. Những người học được khen thưởng ở lớp, Khoa, Trường phải đạt mức điểm học tập theo quy định của Trường, đồng thời kết quả đánh giá điểm rèn luyện phải đạt từ Khá trở lên.

5. Những người học được hưởng học bổng toàn phần hoặc bán phần phải đạt mức điểm học tập theo quy định của Trường, đồng thời kết quả đánh giá điểm rèn luyện phải đạt từ loại Khá trở lên.

6. Những người học có kết quả đánh giá điểm rèn luyện xuất sắc có thể được Nhà trường xem xét biểu dương về mặt rèn luyện.

7. Những người học có điểm rèn luyện yếu, kém trong hai học kỳ liên tiếp thì phải tạm ngừng học ít nhất một học kỳ ở học kỳ tiếp theo và nếu bị xếp loại rèn luyện yếu, kém hai học kỳ liên tiếp lần thứ hai thì sẽ bị buộc thôi học.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 17. Các bước tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện của người học

Bước 1: Triển khai kế hoạch tổ chức đánh giá rèn luyện vào đầu mỗi học kỳ chính;

Bước 2: Người học vào hệ thống quản lý và thực hiện tự chấm điểm các tiêu chí;

Bước 3: Cố vấn học tập vào hệ thống kiểm tra, duyệt điểm rèn luyện và tổ chức họp lớp đánh giá điểm rèn luyện của người học.

Bước 4: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa tổ chức bình xét kết quả rèn luyện.

Bước 5: Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường tổ chức bình xét kết quả rèn luyện của người học.

Bước 6: Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả đánh giá rèn luyện của người học.

Bước 7: Công bố công khai kết quả đánh giá rèn luyện trong toàn Trường và nhập điểm rèn luyện lên hệ thống quản lý sinh viên.

Quy trình cụ thể được quy định tại phụ lục I kèm theo.

Điều 18. Thành phần của Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện các cấp

1. Cấp lớp, gồm:

- Cố vấn học tập (chủ trì);
- Lớp trưởng;
- Ban cán sự lớp;
- Ban chấp hành chi đoàn;
- Ban chấp hành chi hội;
- Các tổ trưởng (nếu có), cùng toàn thể người học lớp.

2. Cấp Khoa, gồm:

- Trưởng (hoặc Phó trưởng) Khoa
- Thư ký Khoa
- Các Cố vấn học tập
- Bí thư Đoàn Khoa
- Liên chi hội trưởng Liên chi Hội sinh viên Khoa

Chủ tịch Hội đồng

Thường trực Hội đồng

Ủy viên

Ủy viên

Ủy viên

3. Cấp Trường, gồm:

- Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng ủy quyền
- Trưởng phòng CTSV&KNCD

Chủ tịch Hội đồng

Thường trực Hội đồng

Handwritten signature

Handwritten signature



- Đại diện Phòng Đào tạo
- Bí thư Đoàn trường
- Chủ tịch Hội sinh viên Trường
- Chủ tịch Hội đồng cấp Khoa

Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên
Ủy viên

Điều 19. Quyền khiếu nại

Người học có quyền khiếu nại (bằng văn bản) về kết quả đánh giá rèn luyện của mình lên Chủ tịch Hội đồng các cấp. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng các cấp có trách nhiệm nghiên cứu, giải quyết và trả lời chính thức về những vấn đề mà người học khiếu nại theo quy định hiện hành.

Điều 20. Sửa đổi và bổ sung

Hàng năm các đơn vị có chức năng liên quan phản ánh những điểm cần sửa đổi, bổ sung để Phòng Công tác Sinh viên và Kết nối Cộng đồng trình Hiệu trưởng xem xét, sửa đổi hoặc bổ sung vào quy chế cho năm học mới.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Tuấn Khanh



Phụ lục I

QUY TRÌNH ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-ĐHKG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

1. Lưu đồ

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm	Thời gian thực hiện	Biểu mẫu/hồ sơ
1	Thông báo tiến hành đánh giá rèn luyện	Phòng CTSV	Tuần 12	
2	Người học thực hiện tự đánh giá	Người học	03 ngày	Phụ lục II
3	Cố vấn học tập duyệt điểm rèn luyện và tổ chức họp lớp thông qua điểm đã duyệt	Cố vấn học tập	03 ngày	M01.CTSV.RL M02.CTSV.RL
4	Hội đồng cấp Khoa họp xét kết quả rèn luyện	Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa	03 ngày	M03.CTSV.RL M04.CTSV.RL
5	Hội đồng cấp Trường họp xét kết quả rèn luyện	Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường; Phòng CTSV	03 ngày	M05.CTSV.RL M06.CTSV.RL
6	Ban hành Quyết định công nhận kết quả rèn luyện	Hiệu trưởng	02 ngày	
7	Duyệt kết quả rèn luyện trên hệ thống tích hợp thông tin	Phòng CTSV	01 ngày	
8	Lưu hồ sơ	Phòng CTSV		



Handwritten signature

Handwritten signature

2. Mô tả chi tiết

Bước	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm
1	Phòng Công tác Sinh viên và Kế nối cộng đồng (CTSV) triển khai Thông báo tổ chức đánh giá rèn luyện vào đầu mỗi học kỳ chính.	Phòng CTSV
2	Người học vào hệ thống quản lý và thực hiện tự chấm điểm các tiêu chí.	Người học
3	Cố vấn học tập vào hệ thống kiểm tra, duyệt điểm rèn luyện của người học. Sau khi duyệt điểm, Cố vấn học tập tổ chức cuộc họp toàn thể người học của lớp (bao gồm Ban cán sự lớp, Ban Chấp hành chi đoàn, Ban chấp hành chi hội và các tổ trưởng (nếu có) cùng toàn thể người học), công bố kết quả rèn luyện của từng người học trong lớp. Kết quả biểu quyết được công nhận phải đạt quá bán số người dự họp. Sau đó, Cố vấn học tập báo cáo kết quả rèn luyện của lớp cho Khoa, kèm theo biên bản họp lớp và kết quả rèn luyện (in trên hệ thống)	Cố vấn học tập
4	Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Khoa tổ chức bình xét kết quả rèn luyện của lớp. Kết quả biểu quyết được công nhận phải đạt quá bán số người dự họp. Căn cứ vào kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên của Hội đồng cấp Khoa, Thư ký khoa vào hệ thống duyệt kết quả rèn luyện người học và báo cáo kết quả rèn luyện của toàn khoa về phòng CTSV (file cứng và file mềm).	Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Khoa
5	Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường tổ chức bình xét kết quả rèn luyện của người học. Kết quả biểu quyết được công nhận phải đạt quá bán số người dự họp.	Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Trường; Phòng CTSV
6	Phòng CTSV tham mưu Hiệu trưởng ra quyết định công nhận kết quả đánh giá rèn luyện đã được thống nhất. Trường hợp không đồng ý với kết quả đánh giá rèn luyện sinh viên Hiệu trưởng yêu cầu Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Trường tổ chức đánh giá rèn luyện lại (nếu cần).	Hiệu trưởng Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện cấp Trường; Phòng CTSV
7	Phòng CTSV công bố công khai kết quả đánh giá rèn luyện trong toàn Trường và Website Trường và tiến hành nhập điểm rèn luyện lên hệ thống.	Phòng CTSV
8	Lưu hồ sơ	Phòng CTSV

3. Biểu mẫu

STT	Tên biểu mẫu	Ký hiệu	Ghi chú
1	Bảng tổng hợp kết quả rèn luyện theo lớp.	M01.CTSV.RL	
2	Biên bản họp Lớp.	M02.CTSV.RL	
3	Biên bản họp Khoa.	M03.CTSV.RL	
4	Bảng tổng kết quả điểm rèn các lớp	M04.CTSV.RL	
5	Biên bản họp về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp Trường.	M05.CTSV.RL	
6	Bảng tổng kết quả điểm rèn các khoa	M06.CTSV.RL	

ph

OW



TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
KHOA.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG HỢP

Kết quả rèn luyện lớp..... Học kỳ....., năm học 20... – 20...

STT	MSSV	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Điểm TBHK	Xếp loại	Điểm RL	Xếp loại
1	2006203033	Lê Thị Ái	Nữ	12-09-2002	2.82	Khá	85	Giỏi

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
Xuất sắc		%
Giỏi		%
Khá		%
Trung bình		%
TC		%

Xếp loại	Số lượng	Tỉ lệ
Xuất sắc		%
Tốt		%
Khá		%
Trung bình		%
Yếu		%
Kém		%
TC		%

NGƯỜI LẬP BẢNG

Handwritten signature

Handwritten signature

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
KHOA.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LỚP
Về việc tổ chức đánh giá điểm rèn luyện sinh viên Lớp.....
Học kỳ:Năm học:.....

1. Thời gian, địa điểm

- Buổi sinh hoạt diễn ra lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng.....năm.....

- Địa điểm:.....

2. Thành phần

- Cố vấn học tập:

- Lớp trưởng (Chủ trì):

- Lớp phó (Thư ký):.....

- Tổng số sinh viên:..... Có mặt.....

Vắng

.....
.....

3. Nội dung

- Tình hình sinh viên tham gia đánh giá điểm rèn luyện trong lớp (nêu tên và lý do vắng mặt của sinh viên không tham dự, sinh viên đã hiểu Quy chế về đánh giá điểm rèn luyện chưa, kết quả xét theo số lượng, tỉ lệ xếp loại.....)

.....
.....

- Những ý kiến đóng góp của sinh viên

.....
.....

- Ý kiến của Cố vấn học tập

.....
.....

Buổi họp kết thúc vào lúc.... giờ ... cùng ngày./.

CỐ VẤN HỌC TẬP

THƯ KÝ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG
KHOA.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN HỌP
Về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp Khoa
Học kỳ:Năm học:.....

1. Thời gian, địa điểm

- Buổi sinh hoạt diễn ra lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng....năm.....
- Địa điểm:.....

2. Thành phần

- Trưởng Khoa (Chủ trì):.....
- Thư ký Khoa (Thư ký):.....
- Tổng số thành viên:..... Có mặt.....
Vắng.....

3. Nội dung

- Những ý kiến đóng góp của các thành viên

- Ý kiến của Chủ trì

Buổi họp kết thúc vào lúc.... giờ ... cùng ngày./.

CHỦ TRÌ

THƯ KÝ

M04. CTSV.RL

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN GIANG
KHOA KIẾN GIANG.....



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG KẾT QUẢ ĐIỂM RÈN CÁC LỚP
HỌC KỲ:..... NĂM HỌC:.....

TT	Lớp	Xuất sắc (90-100)		Tốt (80-89)		Khá (65-79)		Trung bình (50-64)		Yếu (35-49)		Kém (0-34)		Tổng cộng Số lượng
		Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	
Tổng														

LÃNH ĐẠO KHOA

NGƯỜI LẬP



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP

Về việc tổ chức đánh giá kết quả rèn luyện sinh viên cấp Trường
Học kỳ: Năm học:.....

1. Thời gian, địa điểm

- Buổi sinh hoạt diễn ra lúc:.....giờ.....phút, ngày.....tháng....năm.....
- Địa điểm:.....

2. Thành phần

- Phó Hiệu trưởng (Chủ trì):.....
- Trưởng phòng Công tác sinh viên (Thư ký):.....
- Tổng số thành viên:..... Có mặt.....
Vắng.....

3. Nội dung

- Những ý kiến đóng góp của các thành viên

- Ý kiến của Chủ trì

Buổi họp kết thúc vào lúc.... giờ ... cùng ngày./.

CHỦ TRÌ

THƯ KÝ



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG TỔNG KẾT QUẢ ĐIỂM RẪN CÁC KHOA
HỌC KỲ:..... NĂM HỌC:.....

TT	Khoa	Xuất sắc (90-100)		Tốt (80-89)		Khá (65-79)		Trung bình (50-64)		Yếu (35-49)		Kém (0-34)		Tổng cộng
		Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	Số lượng	tỉ lệ (%)	
Tổng														

NGƯỜI LẬP

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



Phụ lục II
BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số 390/QĐ-ĐHKG ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN CỦA SINH VIÊN
 Học kỳ: Năm học: 20.....- 20.....

Họ và tên: Mã số sinh viên: Khóa:
 Lớp: Khoa:

TT	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ	Mức điểm	SV tự đánh giá	Ban cán sự lớp
1. Đánh giá về ý thức tham gia học tập: Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm				
a	Kết quả học tập trong học kỳ:			
	<i>Khá</i>	+10 đ		
	<i>Giỏi</i>	+15 đ		
	<i>Xuất sắc</i>	+20 đ		
b	Điểm Trung bình học kỳ tăng so với học kỳ trước <i>(đối với SV học kỳ 1 năm 1 sẽ được điểm nội dung này).</i>	+5 đ		
c	Tham gia các hoạt động học thuật, hoạt động nghiên cứu khoa học <i>(Có minh chứng).</i> <i>(Đối với trường hợp tham gia nghiên cứu khoa học trong các đề tài/dự án Khoa học công nghệ cấp Khoa trở lên, chỉ tính 1 lần tham gia cho 1 đề tài/dự án)</i>	+5 đ		
2. Đánh giá về ý thức chấp hành các nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường: Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm				
a	Không vi phạm các nội quy, quy chế, quy định trong Nhà trường. Thực hiện đúng các thông báo của Nhà trường như: đóng học phí đúng thời hạn, xác nhận học phần đúng tiến độ, tuân thủ quy chế thi... <i>(Nếu vi phạm thì -5đ/hoạt động vi phạm)</i>	+15 đ		
b	Không vi phạm các tệ nạn xã hội, an toàn giao thông, không hút thuốc.	+10 đ		
3. Đánh giá về ý thức tham gia các hoạt động chính trị xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội: Khung điểm đánh giá từ 0-20 điểm				
a	Tham gia hoạt động công ích, phòng chống tệ nạn xã hội, tình nguyện xã hội, hoạt động mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi <i>(+5đ/hoạt động có minh chứng).</i>	+10đ		
b	Thành viên đội văn hóa, văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ cấp Khoa	+ 5 đ		
c	Thành viên đội văn hóa, văn nghệ, thể thao, câu lạc bộ cấp Trường.	+10 đ		
d	Có ý thức tham gia, cổ vũ các hoạt động do các tổ chức đoàn thể của Khoa, Trường phát động <i>(+05đ/hoạt động có minh chứng).</i> Tham dự các chương trình, hội nghị của Khoa, Trường tổ chức <i>(+03đ/hoạt động có minh chứng).</i>	+15 đ		
4. Đánh giá về ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng: Khung điểm đánh giá từ 0-25 điểm				
a	Chấp hành và tham gia tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, tham gia bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật <i>(tới thời điểm đánh giá rèn luyện cấp Trường mà sinh viên không tham gia hoặc bị hết hạn bảo hiểm y tế thì sẽ không được điểm nội dung này).</i>	+15 đ		
b	Hòa đồng, nhiệt tình giúp đỡ bạn bè cùng tiến bộ. Là nhân tố tích cực xây dựng sự đoàn kết, không chia rẽ bè phái, gây bất hòa, mất đoàn kết trong nội bộ.	+3 đ		
c	Tham gia các hoạt động cộng đồng tại địa phương <i>(có minh chứng trong học kỳ).</i>	+2 đ		
d	Tham gia hiến máu nhân đạo <i>(có giấy chứng nhận).</i>	+5 đ		
5. Đánh giá về ý thức và kết quả khi tham gia công tác cán bộ lớp, các đoàn thể, tổ chức hợp pháp khác trong Nhà trường hoặc đạt được thành tích đặc biệt trong học tập, rèn luyện của người học: Khung điểm đánh giá từ 0-10 điểm				
a	Là Ban cán sự lớp sinh viên hoặc lớp học phân; Ban chấp hành Đoàn – Hội, Đội thanh niên xung kích hoàn thành nhiệm vụ, gương mẫu, có uy tín với tập thể; Ban chủ nhiệm câu lạc Bộ.	+5 đ		
b	Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt lớp <i>(đối tượng là sinh viên và cán bộ lớp).</i>	+5 đ		
6. Điểm cộng ngoài khung:				
a	Đạt giải khuyến khích trở lên trong các hoạt động học thuật, nghiên cứu khoa học, văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao từ cấp Trường trở lên <i>(có minh chứng).</i>	+10đ		
b	Đạt danh hiệu "Sinh viên 5 tốt" cấp Trường trở lên <i>(có minh chứng bằng Quyết định).</i>	+10đ		
c	Có thành tích tiêu biểu xuất sắc <i>(số điểm cộng được Hội đồng đánh giá rèn luyện cấp Trường quyết định).</i>	Tối đa không quá 10đ		
Tổng điểm				

* Kết quả rèn luyện được phân thành các loại:

- Từ 90 → 100 điểm : Loại xuất sắc.
- Từ 80 → 89 điểm : Loại tốt.
- Từ 65 → 79 điểm : Loại khá.
- Từ 50 → 64 điểm : Loại trung bình.
- Từ 35 → 49 điểm : Loại yếu.
- Dưới 35 điểm : Loại kém.

CÓ VẤN HỌC TẬP
(Ký và ghi họ tên)

(Ký)